

A 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 001/VCF/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“VCF”)

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (0251) 383 6554 Fax: (0251) 383 6108

Mã số doanh nghiệp: 3600261626

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SỮA HẠT NGŨ CỐC B’FAST LOẠI ÍT ĐƯỜNG

2. Thành phần:

Vây ngũ cốc 33 % (bột mì, glucose syrup, bột gạo, chiết xuất mầm lúa mạch, đường, tinh bột bắp, bột đậu nành, muối, hương vani tổng hợp), bột kem thực vật (glucose syrup, dầu thực vật, chiết xuất mầm lúa mạch, protein sữa, chất ổn định (340(ii), 452(i), 451(i)), chất nhũ hóa (471, 472e), chất chống đông vón (551)), đường 25 %, maltodextrin, hương liệu tổng hợp.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng gói vào bao bì màng ghép phức hợp. Khối lượng tịnh: 25 g

- Các gói được đóng vào bịch màng ghép phức hợp và thùng carton với quy cách:

- Bịch: Khối lượng tịnh: 500 g (20 gói x 25 g)
- Thùng: Khối lượng tịnh: 7 kg (14 bịch x 20 gói x 25 g)

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: www.vinacafebienhoa.com

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (đính kèm Phụ lục - Danh mục chi tiết chỉ tiêu và mức công bố)

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc.
2. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc và sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc, bao gồm cả những sản phẩm đã qua chế biến; sản phẩm ngũ cốc đã qua xử lý cũng như ngũ cốc dùng làm thực phẩm; ngũ cốc dùng để ăn, bột ngũ cốc
3. Quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 về Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm của Bộ trưởng Bộ Y tế: giới hạn vi sinh vật đối với nhóm sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, khoai củ, đậu, đỗ: bánh, bột (dùng trực tiếp, không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng)
4. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Biên Hòa, ngày 07 tháng 4 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC



Nguyễn Hoàng Yến

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: www.vinacafebienhoa.com

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản tự công bố số 001/VCF/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA	NHÓM SẢN PHẨM NGŨ CỐC	Số TCCS 01:2021/BH106
	SỮA HẠT NGŨ CỐC B'FAST LOẠI ÍT ĐƯỜNG	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng bột, có vảy cốm trong sản phẩm
- Màu sắc: Màu trắng, có các vảy màu vàng nhạt
- Mùi: Mùi ngũ cốc đặc trưng.
- Vị: Vị đặc trưng, ngọt béo hài hòa.



2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng ẩm	% khối lượng	≤ 5,0
2	Hàm lượng xơ tiêu hóa	g/100 g	3,5 – 6,5
3	Hàm lượng protein	g/100 g	3,4 – 6,2
4	Hàm lượng béo	g/100 g	8,3 – 15,3
5	Hàm lượng carbohydrate	g/100 g	69,5 – 90,3
6	Năng lượng	kcal/100g	366,3 – 523,7

3. **Các chỉ tiêu vi sinh vật:** theo Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, khoai củ, đậu, đỗ: bánh, bột (dùng trực tiếp, không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng):

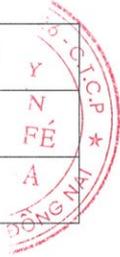
Bản tự công bố này được đăng tải tại website: www.vinacafebienhoa.com

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10 ²
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	10
		hoặc MPN/g	3
4	Coliforms	CFU/g	10
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10
6	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10
7	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10

4. **Hàm lượng kim loại nặng:** theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0,2
2	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	0,1



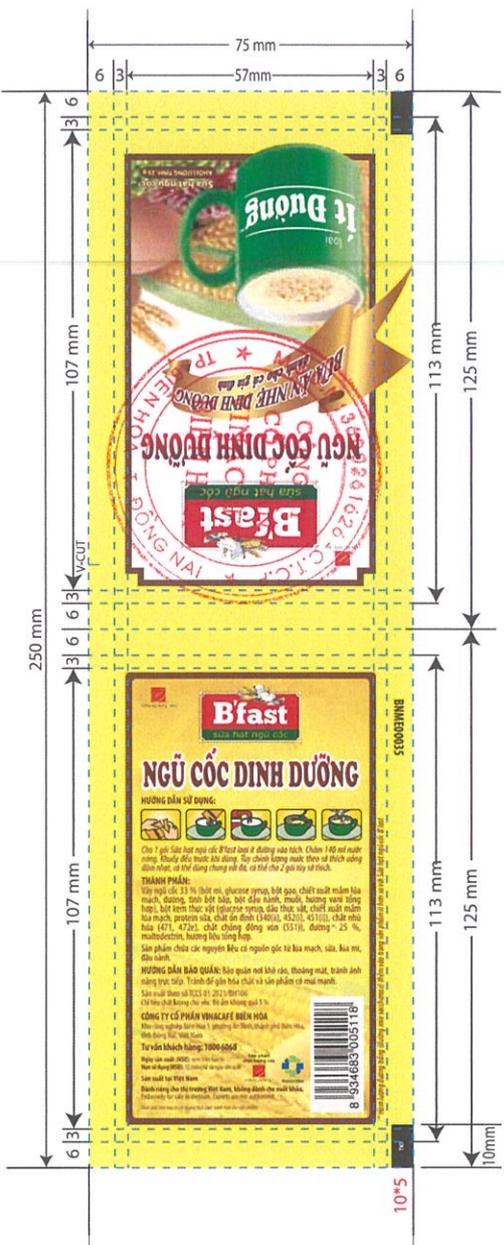
5. **Hàm lượng độc tố vi nấm:** theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc và sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc, bao gồm cả những sản phẩm đã qua chế biến; sản phẩm ngũ cốc đã qua xử lý cũng như ngũ cốc dùng làm thực phẩm; ngũ cốc dùng để ăn, bột ngũ cốc:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Hàm lượng aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Hàm lượng ochratoxin A	µg/kg	3
4	Hàm lượng deoxynivalenol	µg/kg	750
5	Hàm lượng zearalenone	µg/kg	75

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: www.vinacafebienhoa.com

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.





THÀNH PHẦN:

Vây ngũ cốc 33 % (bột mì, glucose syrup, bột gạo, chiết xuất mầm lúa mạch, đường, tinh bột bắp, bột đậu nành, muối, hương vani tổng hợp), bột kem thực vật (glucose syrup, dầu thực vật, chiết xuất mầm lúa mạch, protein sữa, chất ổn định (340(ii), 452(i), 451(i))), chất nhũ hóa (471, 472e), chất chống đông von (551i), đường* 25 %, maltodextrin, hương liệu tổng hợp.

Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ lúa mạch, sữa, lúa mì, đậu nành.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

Sản xuất theo số TCCS 01:2021/BH106
Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Độ ẩm không quá 5 %



NGŨ CỐC DINH DƯỠNG



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:
Cho 1 gói Sữa hạt ngũ cốc Bfast loại ít đường vào tách. Thêm 140 ml nước nóng. Khuấy đều trước khi dùng. Tùy chỉnh lượng nước theo sở thích uống đậm nhạt, có thể dùng chung với đá, có thể cho 2 gói tùy sở thích.



Sữa hạt ngũ cốc

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 25 g

(*) Hàm lượng đường trắng (đường mía saccharose) thêm vào trong sản phẩm ít hơn so với Sữa hạt ngũ cốc Bfast

BNME00035



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Tư vấn Khách hàng: 1800 6068
Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì
Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất
Sản xuất tại Việt Nam
Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.
Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.
Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

MKS: BNME00035.01.2021/BH106
Date: 26.03.2021
Ver: 1
07/4/2021

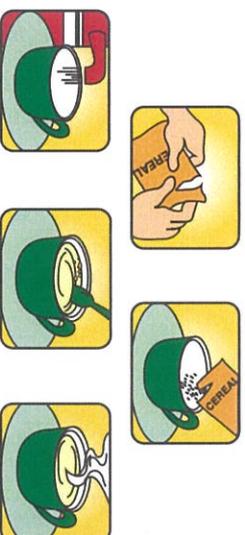


Sử dụng SỮA HẠT NGŨ CỐC B'FAST LOẠI IT ĐƯỜNG hàng ngày giúp bạn và cả nhà bổ sung một số chất dinh dưỡng mà cơ thể cần.

Từng mảnh ngũ cốc giòn tan với chiết xuất mầm lúa mạch thơm lừng làm cho cả nhà bạn ai cũng muốn nhâm nhi thưởng thức.

SỮA HẠT NGŨ CỐC B'FAST LOẠI IT ĐƯỜNG - Dưỡng chất thiết yếu cho gia đình bạn mỗi ngày.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:



Cho 1 gói Sữa hạt ngũ cốc B'fast loại It đường vào tách. Chấm 140 ml nước nóng. Khuấy đều trước khi dùng. Tuy chính lượng nước theo sở thích uống đậm nhạt, có thể dùng chung với đá, có thể cho 2 gói tùy sở thích.

NGŨ CỐC DINH DƯỠNG



cả nhà cùng nhâm nhi

B'fast
đánh cho cả gia đình



GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ
WFO TOPPHI - Giải thưởng danh giá của Tổ chức Sở Hữu Trí Tuệ Thế Giới thuộc Liên Hiệp Quốc trao tặng cho Vinacafé Biên Hòa 2005.



8 934683 005125

Sữa hạt ngũ cốc

Khối lượng tịnh: 500 g (20 gói x 25 g)

loại
It Đường

Sản phẩm chất lượng của



VINACAFÉ BH



Vietnam Value

() Hàm lượng đường trắng (đường mía saccharose) thêm vào trong sản phẩm ít hơn so với Sữa hạt ngũ cốc B'fast*

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g:

Năng lượng	445 kca
Carbohydrat	79,9 g
Chất đạm	4,8 g
Chất béo	11,8 g
Xơ tiêu hóa	5 g

THÀNH PHẦN: Vây ngũ cốc 33 % (bột mì, glucose syrup, bột gạo, chiết xuất mầm lúa mạch, đường, tinh bột bắp, bột đậu nành, muối, hương vani tổng hợp), bột kem thực vật (glucose syrup, dầu thực vật, chiết xuất mầm lúa mạch, protein sữa, chất ổn định (340(ii), 452(i), 451(i)), chất nhũ hóa (471, 472e), chất chống đông vón (551)), đường^(*) 25 %, maltodextrin, hương liệu tổng hợp.

Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ lúa mạch, sữa, lúa mì, đậu nành.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

Sản xuất theo số TCCS 01:2021/BH106

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Độ ẩm không quá 5 %

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì

Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Sản xuất tại Việt Nam

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.

Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

MKS: BNTU00614.01.2021/BH106

Date: 26.03.2021

Ver: 1

BNTU00614

02/14/2021

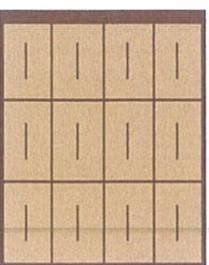


Sản phẩm
chất lượng của
VINACAFÉ BH
Vietnam Value

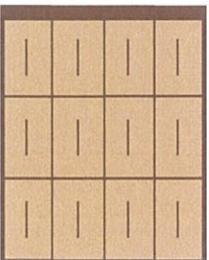
NGŨ CỐC DINH DƯỠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam



CÁCH XẾP PALLET
12 thùng x 4 lớp
Pallet: 1,2 m x 1 m



Loại
ít Đường^(*)



SỮA HẠT NGŨ CỐC

Khối lượng tịnh:
7,0 kg (14 bịch x 20 gói x 25 g)

09NC00117 **BGTE00084**

() Hàm lượng đường trắng (đường mía saccharose) thêm vào trong sản phẩm ít hơn so với Sữa hạt ngũ cốc B'fast*

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì
Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất
Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.
Sản xuất tại Việt Nam

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.
Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

MKS: BGTE00084.01.2021/3#1106

Date: 26.03.2021

Ver: 1

Handwritten signature and date: 07/4/2021



Số: **006682** /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04272.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA HẠT NGŨ CỐC B'FAST LOẠI ÍT ĐƯỜNG
Ngày lấy mẫu : 10/03/2021
Lượng mẫu : 14 gói x 25 g
Ngày nhận mẫu : 10/03/2021
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Tâm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Độ ẩm	HD.PP.14-1/TT.LH:2018 (Ref. AOAC 950.46) (b)	1,69 % khối lượng	11/03/2021
2	Carbohydrate	AOAC 986.25	80,29 g/100g	15/03/2021
3	Lipid	AOAC 922.06	11,16 g/100g	10/03/2021
4	Protein	HD.PP.13/TT.LH:2016 (Ref. AOAC 991.20) (b)	4,76 g/100g (Nx6,25)	12/03/2021
5	Năng lượng	Regulation (EU) No 1169/2011	440,64 kcal/100g	15/03/2021

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao nhựa ép kín, không nhãn, không NSX - HSD.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

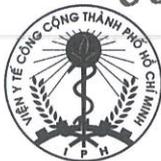
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **05-04-2021**.....

TUQ. VIÊN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN





Số: 006734 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04310.21

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA HẠT NGŨ CỐC B'FAST LOẠI ÍT ĐƯỜNG
Ngày lấy mẫu : 10/03/2021
Lượng mẫu : 08 gói x 25 g
Ngày nhận mẫu : 10/03/2021
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Tâm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Xơ tiêu hóa	AOAC 991.43 -Ankom Dietary Fiber Analyzer	5,25 g/100g	12/03/2021

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao nhựa ép kín, không nhãn, không NSX - HSD.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05-04-2021

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **006731** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02895.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA HẠT NGŨ CỐC B'FAST LOẠI ÍT ĐƯỜNG
Ngày lấy mẫu : 22/02/2021
Lượng mẫu : 08 gói x 25 g
Ngày nhận mẫu : 22/02/2021
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Tâm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	24/02/2021
2	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	24/02/2021

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao nhôm ép kín, không nhãn, không NSX - HSD.
Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 01/04/2021.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **05-04-2021**
TU. VIÊN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

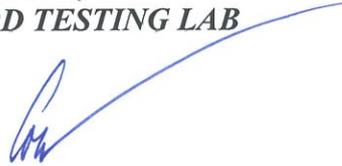
KT3-01141ATP1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

01/04/2021
Page 01/02

1. Tên mẫu : SỮA HẠT NGŨ CỐC B'FAST LOẠI ÍT ĐƯỜNG
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in sealed package, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 22/02/2021
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 23/02/2021 – 26/02/2021
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA /
Customer
VINACAFÉ BIEN HOA JOINT-STOCK COMPANY
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam / Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02/02
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.vn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.vn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

KT3-01141ATP1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

01/04/2021
 Page 02/02



7. Kết quả thử nghiệm :
 Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng aflatoxin B1, Aflatoxin B1 content	µg/kg	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện Not detected
7.2. Hàm lượng aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2), Total aflatoxin content	µg/kg	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng ochratoxin A, Ochratoxin A content	µg/kg	QTTN/KT3 223:2018 (Ref: AOAC 2016 (2000.03))	0,3	Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng zearalenone, Zearalenone content	µg/kg	QTTN/KT3 224:2018 (Ref: TCVN 9591:2013)	15	Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), Deoxynivalenol content	µg/kg	QTTN/KT3 089:2018	20	Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



Số: **006732/VYTCC**



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02896.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA HẠT NGŨ CỐC B'FAST LOẠI ÍT ĐƯỜNG
Ngày lấy mẫu : 22/02/2021
Lượng mẫu : 16 gói x 25 g
Ngày nhận mẫu : 22/02/2021
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Tâm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (b)	< 10 CFU /g	22/02/2021
2	Coliforms	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) (b)	< 10 CFU /g	22/02/2021
3	<i>Escherichia coli</i>	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (b)	< 10 CFU /g	22/02/2021
4	<i>Escherichia coli</i>	AOAC 966.24 (b)	0 MPN /g	22/02/2021
5	<i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31 (b)	< 10 CFU /g	22/02/2021
6	<i>Clostridium perfringens</i>	AOAC 976.30 (b)	< 10 CFU /g	22/02/2021
7	<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 975.55 (b)	< 10 CFU /g	22/02/2021
8	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (b)	< 10 CFU /g	22/02/2021

Mã số mẫu: 02896.21

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao nhôm ép kín, không nhãn, không NSX - HSD.
Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 01/04/2021.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

587800

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **05-04-2021**..

TU. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh